

Bản án số: 29/2021/HNGĐ - ST  
Ngày 24-9-2021  
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Oanh.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị Thu Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Đình K, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Đình K trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 06-4-2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra xô xát, ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý của con cái. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh chị sống li thân và chấm dứt quan hệ

vợ chồng từ tháng 01-2021 cho đến nay. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như anh Lê Đình K đã trình bày. Nay anh K xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị hoàn toàn nhất trí ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh K và chị H thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Lê Đình D, sinh ngày 17-10-2015, hiện nay đang ở với chị H. Quan điểm của anh K và chị H cùng thống nhất khi ly hôn sẽ giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh K góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H 1.500.000 đồng/1 tháng.

Về con riêng: Anh K và chị H thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Anh K và chị H thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình K và chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao cháu Lê Đình D, sinh ngày 17-10-2015 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi lao động, tự lập được. Hàng tháng anh K cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng theo sự tự nguyện của anh K. Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là anh Lê Đình K và bị đơn là chị Nguyễn Thị H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với lý do đang phải thực hiện nghiêm

quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Đình K và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 06-4-2015 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi, chửi nhau. Nay cả anh K và chị H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh K và chị H thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử thuận tình ly hôn giữa anh K và chị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh K và chị H có một con chung tên là Lê Đình D, sinh ngày 17-10-2015, hiện nay đang ở với chị H. Lời khai của anh K và chị H đều có quan điểm khi ly hôn sẽ giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh K góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H 1.500.000 đồng/1 tháng. Xét quan điểm này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Anh K và chị H cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh K và chị H thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình K và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đình D, sinh ngày 17-10-2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu D cho chị H

1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, kể từ tháng 9-2021 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

### 3. Án phí:

- Anh Lê Đình K phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004339 ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh K còn phải nộp tiếp tiền án phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thọ**











